

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT:
“TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC THI
HIỆP ĐỊNH VIFTA TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU THỦY SẢN
GIỮA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG I-XRA-EN” THÁNG 8/2026

**Thuộc nhiệm vụ: “Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin
phục vụ triển khai Hiệp định VIFTA” năm 2026**

Hà Nội, tháng 8/2026

MỤC LỤC

I. Đánh giá quan hệ thương mại giữa Việt Nam và thị trường I-xra-en	3
1.1. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường I-xra-en trong 7 tháng đầu năm 2026.....	4
1.2. So sánh tình hình xuất khẩu hàng thủy sản sang thị trường I-xra-en trước và sau khi VIFTA có hiệu lực.....	6
II. Nhu cầu tiêu dùng thủy sản tại thị trường I-xraen và đánh giá đối thủ cạnh tranh.....	8
2.1. Nhu cầu nhập khẩu thủy sản của I-xra-en.....	8
2.2. Nhập khẩu thủy sản của I-xra-en theo mã HS 6 số.....	10
2.3. Đánh giá một số mặt hàng thủy sản cạnh tranh của Việt Nam tại thị trường I-xra-en.....	17
III. Đánh giá triển vọng và dự báo xuất khẩu thủy sản sang thị trường I-xra-en trong thời gian tới.....	18

Danh mục bảng

Bảng 1: Xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường I-xra-en trong 7 tháng đầu năm 2026.....	5
Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường I-xra-en giai đoạn 2021-2025.....	7
Bảng 3: Nhập khẩu thủy sản của thị trường I-xra-en 6 tháng đầu năm 2026.....	9
Bảng 4: Nhập khẩu thủy sản của I-xra-en theo (mã HS 6 số) trong 6 tháng đầu năm 2026.....	11
Bảng 5: Tham khảo một số (mã HS 6 số) nhập khẩu thủy sản từ các thị trường của I-xra-en theo trong 6 tháng đầu năm 2026.....	15

Danh mục biểu đồ

Biểu 1: Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường I-xra-en 7 tháng đầu năm 2025-2026	4
--	---

TÓM TẮT

Các mặt hàng thủy sản của Việt Nam tại I-xra-en hiện đã có chỗ đứng ổn định và được người tiêu dùng quốc gia này ưa chuộng, đánh giá cao. Lộ trình giảm thuế mà hiệp định này đưa ra sẽ tạo thuận lợi lớn cho doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản. Đáng chú ý, không chỉ tại thị trường I-xra-en, dự kiến FTA Việt Nam - I-xra-en được ký kết còn mở ra cơ hội hợp tác với khu vực Trung Đông đầy tiềm năng thông qua cửa ngõ các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất.

Với dân số của I-xra-en chỉ khoảng 9,6 triệu người (tính đến ngày 24/8/2026) nhưng đây lại là thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam tại khu vực Trung Đông. Chính vì vậy, I-xra-en có vị thế là thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam ở khu vực Trung Đông.

Triển vọng xuất khẩu thủy sản sang I-xra-en thời gian tới rất tích cực nhờ Hiệp định VIFTA giúp xóa bỏ thuế quan, cơ cấu kinh tế mang tính hỗ trợ cao và nhu cầu tiêu thụ thủy hải sản ổn định tại thị trường có thu nhập cao này. Các mặt hàng chủ lực như tôm, cá tra và thủy hải sản biển.

I. Đánh giá quan hệ thương mại giữa Việt Nam và thị trường I-xra-en

VIFTA là một hiệp định tạo tiền đề để Việt Nam - I-xra-en có nhiều hoạt động hợp tác, trao đổi thương mại. Trong Hiệp định VIFTA, cam kết lớn nhất chính là việc nâng cao tỷ lệ tự do hóa thương mại lên đến 92,7% tổng số các dòng thuế, trong khi cam kết của Việt Nam sẽ là 85,8%. Hầu hết các mặt hàng nông sản, thủy sản - những mặt hàng chủ lực của Việt Nam đều có ưu đãi về thuế.

Việt Nam có năng lực chế biến hiện đại và đáp ứng được các tiêu chuẩn yêu cầu của khu vực Trung Đông. Một trong những tiêu chuẩn thường được nhắc tới là Halal, tiêu chuẩn Kosher, cùng nhiều tiêu chuẩn khác với điều kiện doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu của nhà nhập khẩu.

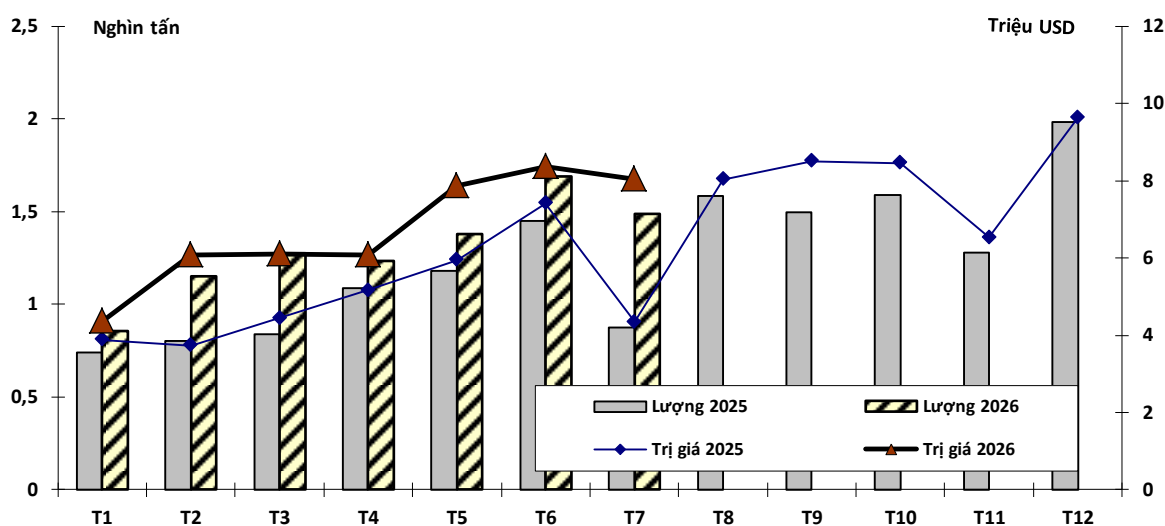
Việt Nam được biết đến là một quốc gia có sở hữu nguồn cung ổn định và có năng lực sản xuất lớn nhờ có đường bờ biển dài, hệ thống nuôi trồng thủy sản phát triển, quy mô lớn. Đây là lợi thế quan trọng đối với các nhà nhập khẩu Trung Đông, vốn yêu cầu nguồn hàng liên tục và ít có biến động. Vì vậy, I-xra-en được xem là thị trường có mức độ mở cao trong khu vực Tây Á - Bắc Phi.

1.1. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường I-xra-en trong 7 tháng đầu năm 2026

Theo tính toán từ số liệu của Cục Hải quan, xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường I-xra-en trong tháng 7/2026 đạt 1,4 nghìn tấn, kim ngạch đạt 8,04 triệu USD, tăng 69,1% về lượng và tăng 85,1% về kim ngạch so với tháng 7/2025.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường I-xra-en đạt 9,05 nghìn tấn, kim ngạch đạt 46,68 triệu USD, tăng 29,9% về lượng và tăng 33,7% so với cùng kỳ năm 2025.

Biểu 1: Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường I-xra-en 7 tháng đầu năm 2025-2026



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Trong đó, xuất khẩu nhiều mặt hàng thủy sản lớn sang I-xra-en đều tăng trưởng tốt, cụ thể:

+ Xuất khẩu cá ngừ đông lạnh (mặt hàng có kim ngạch lớn nhất) đạt 2,2 nghìn tấn, kim ngạch đạt 13,44 triệu USD, tăng 12,4% về lượng và tăng 19,3% kim ngạch so với cùng kỳ năm 2025, cá ngừ đông lạnh chiếm 24,4% về lượng và chiếm 28,8% về kim ngạch trong tổng xuất khẩu thủy sản sang I-xra-en.

+ Lượng xuất khẩu tôm đông lạnh đạt 1,5 nghìn tấn, kim ngạch đạt 12,17 triệu USD, tăng 42,5% về lượng và tăng 37,2% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2025, tôm đông lạnh chiếm 17,1% về lượng và chiếm 26,1% về kim ngạch trong tổng xuất khẩu thủy sản sang I-xra-en.

+ Xuất khẩu cá ngừ đóng hộp đạt 2,7 nghìn tấn, kim ngạch đạt 10,56 triệu USD, tăng 40,6% về lượng và tăng 32,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2025, cá ngừ đóng hộp chiếm 30% về lượng và chiếm 22,6% về kim ngạch trong tổng xuất khẩu thủy sản sang I-xra-en.

Xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản khác sang I-xra-en cũng tăng trưởng cả về lượng và kim ngạch so với cùng kỳ năm 2025 như mực đông lạnh, cá tra đông lạnh, cá phèn đông lạnh, mực khô, bạch tuộc đông lạnh, cá bạc má đông lạnh, cá chỉ vàng khô, cá mú đông lạnh...

Nhìn chung, xuất khẩu nhiều mặt hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường I-xra-en trong 7 tháng đầu năm 2026 đều tăng trưởng tốt, có thể thấy kể từ khi Hiệp định VIFTA chính thức có hiệu lực (từ tháng 11/2024), ngành thủy sản Việt Nam đã ghi nhận đà tăng trưởng tích cực tại thị trường I-xra-en nhờ những lợi thế từ thuế quan và quy tắc thương mại.

Bảng 1: Xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường I-xra-en trong 7 tháng đầu năm 2026

Mặt hàng	7 tháng năm 2026		So với 7 tháng năm 2025 (%)		Tỷ trọng (%)			
					7 tháng năm 2026		7 tháng năm 2025	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	9.055,8	46.689	29,9	33,7	100	100	100	100
Cá ngừ đông lạnh	2.210,3	13.448	12,4	19,3	24,4	28,8	28,2	32,3
Tôm đông lạnh	1.551,6	12.177	42,5	37,2	17,1	26,1	15,6	25,4
Cá ngừ đóng hộp	2.719,6	10.562	40,6	32,6	30,0	22,6	27,8	22,8
Mực đông lạnh	549,7	4.121	156,1	168,8	6,1	8,8	3,1	4,4
Cá tra đông lạnh	1.477,6	3.544	7,1	11,0	16,3	7,6	19,8	9,1
Cá phèn đông lạnh	138,0	883	91,9	93,2	1,5	1,9	1,0	1,3
Mực khô	9,9	193	192,3	184,8	0,1	0,4	0,0	0,2
Bạch tuộc đông lạnh	23,8	182	36,2	98,3	0,3	0,4	0,3	0,3
Cá bạc má đông lạnh	70,0	167	30,8	74,6	0,8	0,4	0,8	0,3
Cá chỉ vàng khô	14,3	150	32,5	45,3	0,2	0,3	0,2	0,3
Cá chẽm đông lạnh	18,7	142	-22,2	-15,4	0,2	0,3	0,3	0,5
Cá mú đông lạnh	15,9	134	275,6	263,6	0,2	0,3	0,1	0,1
Ghẹ đông lạnh	10,0	92	-55,7	-61,0	0,1	0,2	0,3	0,7
Cá thu đông lạnh	23,1	82	116,0	200,2	0,3	0,2	0,2	0,1
Cá nục đông lạnh	29,7	68	524,6	446,4	0,3	0,1	0,1	0,0

Mặt hàng	7 tháng năm 2026		So với 7 tháng năm 2025 (%)		Tỷ trọng (%)			
					7 tháng năm 2026		7 tháng năm 2025	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Cá rô phi đông lạnh	19,9	67	0,0	0,0	0,2	0,1	0,0	0,0
Cá hổ đông lạnh	13,7	54	26,9	39,6	0,2	0,1	0,2	0,1
Cá ngừ đông lạnh	18,5	48	678,9	735,2	0,2	0,1	0,0	0,0
Cá hồi đông lạnh	15,4	41	0,0	0,0	0,2	0,1	0,0	0,0
Chả giò	3,2	38	0,0	-4,0	0,0	0,1	0,0	0,1
Tôm khô	1,4	36	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0
Cá điêu hồng đông lạnh	5,0	14	0,0	0,0	0,1	0,0	0,0	0,0
Cá cơm đông lạnh	3,4	13	7,8	-1,9	0,0	0,0	0,0	0,0
Cá mòi khô	1,4	13	-40,5	-41,3	0,0	0,0	0,0	0,1
Mặt hàng khác	111,8	421	-21,5	-37,5	1,2	0,9	2,0	1,9

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan

1.2. So sánh tình hình xuất khẩu hàng thủy sản sang thị trường I-xra-en trước và sau khi VIFTA có hiệu lực

+ Giai đoạn trước khi VIFTA có hiệu lực (Trước tháng 11/2024) hầu hết các mặt hàng thủy sản của Việt Nam khi nhập khẩu vào I-xra-en phải chịu mức thuế MFN (Tối huệ quốc) từ 10% đến 15%, thậm chí một số mặt hàng cá chế biến chịu mức thuế cao hơn. Xuất khẩu chủ yếu phụ thuộc vào cá ngừ (chiếm tới 60% – 70% tổng kim ngạch thủy sản sang I-xra-en) và tôm đông lạnh. Các mặt hàng khác như cá tra, mực, bạch tuộc, chả cá... có giá trị khiêm tốn do chịu áp lực cạnh tranh về giá từ các đối thủ Nam Mỹ và Đông Nam Á.

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang I-xra-en dao động ở mức từ 70 – 90 triệu USD/năm. Dù I-xra-en là thị trường nhập khẩu cá ngừ hàng đầu của Việt Nam tại Trung Đông, mức tăng trưởng của ngành thủy sản vẫn bị giới hạn bởi chi phí hậu cần cao và rào cản thuế. I-xra-en không áp đặt các biện pháp phòng vệ thương mại hay chống bán phá giá lên thủy sản Việt Nam, và thị trường này chấp nhận tốt các chứng nhận Kosher (tiêu chuẩn thực phẩm Do Thái).

+ Giai đoạn sau khi VIFTA có hiệu lực (Từ cuối năm 2024 đến nay): Ngay khi VIFTA có hiệu lực, I-xra-en đã xóa bỏ thuế quan đối với hơn 66% số dòng thuế, trong đó bao gồm nhiều nhóm mặt hàng thủy sản thế mạnh của Việt Nam. Trong đó, các mặt hàng như cá ngừ đóng hộp, cá ngừ đông lạnh, tôm chân

trắng đông lạnh, cá tra fillet giảm dần hoặc loại bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu theo lộ trình, giúp thủy sản Việt Nam gia tăng đáng kể lợi thế cạnh tranh về giá so với các quốc gia chưa có FTA với I-xra-en.

Nhờ lợi thế từ Hiệp định VIFTA, kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang I-xra-en tăng trưởng tốt. I-xra-en cũng có vị thế là một trong những thị trường xuất khẩu cá ngừ đơn lẻ lớn nhất của Việt Nam tại khu vực Trung Đông. Không chỉ có cá ngừ và tôm, các sản phẩm chế biến sâu, giá trị gia tăng như surimi, chả cá, cá ngừ đóng hộp hương vị đặc biệt, mực và nhuyễn thể chế biến... đạt tốc độ tăng trưởng nhanh hơn nhờ mức chi phí thuế giảm nhẹ...

Trước Hiệp định VIFTA, thủy sản Việt Nam dù có thị phần tốt nhưng luôn gặp bất lợi về giá do khoảng cách địa lý xa và thuế suất cao. Sau VIFTA, việc xóa bỏ hoàn toàn rào cản thuế giúp thủy sản Việt Nam có lợi thế cạnh tranh tuyệt đối về giá so với các đối thủ lớn tại châu Á (như Thái Lan, Ấn Độ - vốn chưa có FTA với I-xra-en), biến áp lực địa lý thành cơ hội dẫn đầu chuỗi cung ứng tại quốc gia Tây Á này.

Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường I-xra-en giai đoạn 2021-2025

Năm	Kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản (USD)	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa chung (USD)	Tỷ trọng hàng thủy sản/tổng xuất khẩu hàng hóa (%)	Tăng trưởng xuất khẩu hàng thủy sản (%)	Tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa chung (%)
Năm 2021	76.096.402	780.632.876	9,75	-	-
Năm 2022	80.359.296	785.745.040	10,23	5,6	0,7
Năm 2023 (ký VIFTA)	80.154.665	631.290.167	12,70	-0,3	-19,7
Năm 2024 (VIFTA hiệu lực)	102.262.049	794.555.110	12,87	27,6	25,9
Năm 2025	76.088.014	865.030.367	8,80	-25,6	8,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Giai đoạn trước VIFTA năm 2021 - 2022, kim ngạch thủy sản tăng trưởng ở mức khiêm tốn (5,6% năm 2022), duy trì mức 76 – 80 triệu USD.

Khi Hiệp định VIFTA có hiệu lực năm 2024, kim ngạch xuất khẩu thủy sản tăng vọt 27,6%, đạt mốc kỷ lục 102,26 triệu USD.

Có thể thấy khi Hiệp định VIFTA chính thức có hiệu lực, cả kim ngạch xuất khẩu thủy sản và tổng hàng hóa đều tăng trưởng ấn tượng (lần lượt là

27,6% và 25,9%) trong năm 2024. Xuất khẩu thủy sản trong năm 2025 đạt mốc cao, chiếm tỷ trọng cao nhất giai đoạn là 12,87%.

Mặc dù tổng xuất khẩu hàng hóa giảm mạnh trong năm 2023 giảm 19,7% do giảm thương mại chung, ngành thủy sản vẫn giữ mức giảm rất nhẹ 0,3%, qua đó đẩy tỷ trọng thủy sản trong tổng kim ngạch lên tới 12,7%.

Năm 2025, xuất khẩu thủy sản giảm 25,6% xuống còn 76,08 triệu USD (mức thấp nhất trong cả giai đoạn). Ngược lại, tổng xuất khẩu hàng hóa chung vẫn duy trì đà hồi phục tăng 8,9%, khiến tỷ trọng ngành thủy sản thu hẹp xuống còn 8,8%.

II. Nhu cầu tiêu dùng thủy sản tại thị trường I-xra-en và đánh giá đối thủ cạnh tranh

2.1. Nhu cầu nhập khẩu thủy sản của I-xra-en

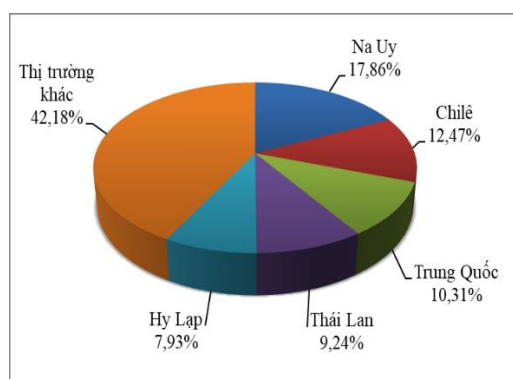
Theo tính toán từ số liệu thống kê của Cục thống kê Trung ương I-xra-en, 6 tháng đầu năm 2026, I-xra-en nhập khẩu thủy sản đạt 551,74 triệu USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2025.

Trong đó, Na Uy - thị trường lớn nhất chiếm 17,86%; Chilê chiếm 12,47%; Trung Quốc chiếm 10,31%; Thái Lan chiếm 9,24%; Hy Lạp chiếm 7,93%; Hà Lan chiếm 7,55%; Việt Nam chiếm 7,31%; Sip chiếm 6,69%; Đan Mạch chiếm 2,4%; thị trường còn lại chiếm 18,23% trong tổng thủy sản sang I-xra-en 6 tháng đầu năm 2026.

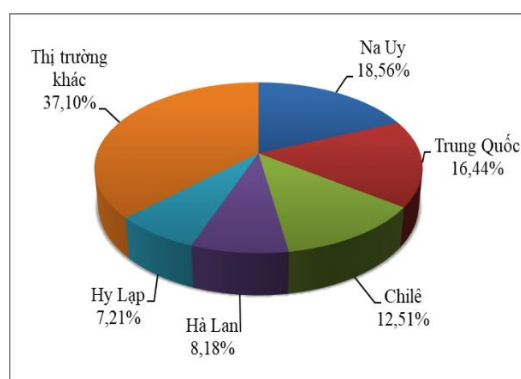
Biểu đồ 1: Cơ cấu thị trường nhập khẩu thủy sản của I-xra-en

(% tính theo kim ngạch)

6 tháng đầu năm 2026



6 tháng đầu năm 2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Thống kê Trung ương I-xra-en

Trong 6 tháng đầu năm 2026, thị trường I-xra-en tăng nhập khẩu thủy sản từ nhiều thị trường như Na Uy tăng 7,8%; Chilê tăng 11,8%; Thái Lan tăng 52,2%; Hy Lạp tăng 23,2%; Hà Lan tăng 3,5%; Sip tăng 64,2%; Xri Lanca tăng 30,3%; Ấn Độ tăng 48,5%; Mỹ tăng 2%; Tandania tăng 89,9%; Uganda tăng 11,9%; Latvia tăng 60,6%; Bêlarút tăng 40,2%; Băng Đảo tăng 81,3%; Nam Phi tăng 74%; Marôc tăng 174,8%...so với cùng kỳ năm 2025.

I-xra-en cũng tăng nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam với mức tăng 24% so với cùng kỳ năm 2025, thị phần tăng từ mức 6,61% trong 6 tháng đầu năm 2025 lên 7,31% trong 6 tháng đầu năm 2026.

So với đối thủ trong khu vực châu Á là Trung Quốc, cho thấy thủy sản Việt Nam có tốc độ tăng trưởng tốt hơn. Dù đối mặt với đối thủ mạnh như Trung Quốc, vị thế của thủy sản Việt Nam tại I-xra-en vẫn có những lợi thế cạnh tranh chiến lược như Việt Nam có FTA trực tiếp với I-xra-en (VIFTA), mang lại lợi thế thuế xuất nhập khẩu vượt trội so với Trung Quốc (chưa có FTA song phương với I-xra-en). Lợi thế giảm thuế này giúp giảm phần nào chênh lệch chi phí sản xuất thô.

Qua số liệu nhận thấy, thủy sản Việt Nam đã tạo được chỗ đứng tại thị trường I-xra-en, I-xra-en tiếp tục duy trì vị thế là một trong những đối tác nhập khẩu hàng đầu đối với cá ngừ, tôm, mực và cá tra... của Việt Nam tại khu vực Trung Đông.

Bảng 3: Nhập khẩu thủy sản của thị trường I-xra-en trong 6 tháng năm 2026

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	551.745	12,1	100	100
Na Uy	98.559	7,8	17,86	18,56
Chilê	68.824	11,8	12,47	12,51
Trung Quốc	56.875	-29,7	10,31	16,44
Thái Lan	50.970	52,2	9,24	6,80
Hy Lạp	43.773	23,2	7,93	7,21
Hà Lan	41.645	3,5	7,55	8,18
Việt Nam	40.350	24,0	7,31	6,61
Sip	36.930	64,2	6,69	4,57
Đan Mạch	13.241	-1,5	2,40	2,73
Xri Lanca	8.063	30,3	1,46	1,26
Ấn Độ	7.843	48,5	1,42	1,07

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Mỹ	6.730	2,0	1,22	1,34
Italia	5.573	1,0	1,01	1,12
Tandania	5.546	89,9	1,01	0,59
Ba Lan	4.996	-65,4	0,91	2,93
Uganda	4.047	11,9	0,73	0,73
Achentina	3.902	-1,4	0,71	0,80
Latvia	2.906	60,6	0,53	0,37
Bêlarút	2.672	40,2	0,48	0,39
Băng Đảo	2.581	81,3	0,47	0,29
Tây Ban Nha	2.411	3,5	0,44	0,47
Nam Phi	1.721	74,0	0,31	0,20
Marôc	1.322	174,8	0,24	0,10
Đài Loan	1.201	135,0	0,22	0,10
Đức	1.144	-31,1	0,21	0,34
Bồ Đào Nha	1.128	117,3	0,20	0,11
Croatia	1.029	5,9	0,19	0,20
Indonesia	927	31,7	0,17	0,14
Kenya	829	-0,4	0,15	0,17
Xênegan	828	-47,0	0,15	0,32
Estonia	810	-47,0	0,15	0,31
Litva	796	-6,1	0,14	0,17
Êcuado	780	38,8	0,14	0,11
Pêru	739	-48,3	0,13	0,29
Mexico	689	202,2	0,12	0,05
Xâysen	608	-32,7	0,11	0,18
UAE	594	-65,2	0,11	0,35
Ukraina	567	15,2	0,10	0,10
Canada	567	72,9	0,10	0,07
Philippin	534	12,2	0,10	0,10
Thị trường khác	26.495	231,1	4,80	1,63

Nguồn: Cục thống kê Trung ương I-xra-en

2.2. Nhập khẩu thủy sản của I-xra-en theo mã HS 6 số

Theo tính toán từ số liệu của Cục thống kê Trung ương I-xra-en, 6 tháng đầu năm 2026, theo mã HS 6 số, nhóm mặt hàng cá phi lê cá hồi Thái Bình Dương, cá hồi Đại Tây Dương và cá hồi Danube, tươi hoặc ướp lạnh (mã HS

030441) dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng thủy sản của thị trường I-xra-en đạt 111,15 triệu USD, tăng 37,9% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 20,15% tổng kim ngạch nhập khẩu thủy sản của I-xra-en trong 6 tháng đầu năm 2026.

Tiếp đến, cá phi lê cá hồi Thái Bình Dương, cá hồi Đại Tây Dương và cá hồi Danube, đông lạnh (mã HS 030481) là mã nhập khẩu lớn thứ 2 với kim ngạch đạt 97,34 triệu USD, lại giảm 17,5% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 17,64% tổng kim ngạch nhập khẩu thủy sản của I-xra-en trong 6 tháng đầu năm 2026.

Cá ngừ, cá ngừ vằn (skipjack) và cá bonito, đã chế biến hoặc bảo quản có (mã HS 160414) đạt 80,15 triệu USD, tăng 40% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 14,53% tổng kim ngạch nhập khẩu thủy sản của I-xra-en trong 6 tháng đầu năm 2026.

Đáng chú ý, nhập khẩu một số mã khác có mức tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2025 như mã HS 030285 (Cá tráp biển (sea bream), tươi hoặc ướp lạnh) tăng 27,1%; mã HS 030449 (Phi lê cá khác, tươi hoặc ướp lạnh, thuộc nhóm 0304 nhưng không thuộc các loại được phân loại riêng) tăng 51,6%; mã HS 030284 (Cá vược (sea bass), tươi hoặc ướp lạnh) tăng 33,9%; mã HS 030289 (Cá khác, tươi hoặc ướp lạnh, loại khác) tăng 48,1%; mã HS 030617 (Tôm và tôm biển khác, đông lạnh) tăng 63,5%; mã HS 030463 (Phi lê cá rô phi, đông lạnh) tăng 74%; mã HS 030235 (Cá ngừ vây vàng (Yellowfin tuna), tươi hoặc ướp lạnh) tăng 56%; mã HS 030354 (Cá thu (chub mackerel), đông lạnh) tăng 125%...

Qua số liệu nhận thấy, I-xra-en nhập khẩu đang mở rộng song song ở cả hai đầu phân khúc, vừa tăng mạnh các mặt hàng tươi/ướp lạnh giá trị cao phục vụ kênh nhà hàng, khách sạn... vừa tăng nhập khẩu các dòng đông lạnh phổ thông (cá rô phi, tôm đông lạnh...) phục vụ nhu cầu tiêu dùng thiết yếu.

Bảng 4: Nhập khẩu thủy sản của I-xra-en theo (mã HS 6 số) trong 6 tháng đầu năm 2026

Mã HS	Diễn giải	6 tháng đầu năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2025 (%)
	Tổng	551.745	12,1	100	100
030441	Cá phi lê cá hồi Thái Bình Dương, cá hồi Đại Tây Dương và cá hồi Danube, tươi hoặc ướp lạnh	111.150	37,9	20,15	16,37
030481	Cá phi lê cá hồi Thái Bình Dương,	97.346	-17,5	17,64	23,96

Mã HS	Diễn giải	6 tháng đầu năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2025 (%)
	cá hồi Đại Tây Dương và cá hồi Danube, đông lạnh				
160414	Cá ngừ, cá ngừ vằn (skipjack) và cá bonito, đã chế biến hoặc bảo quản	80.152	40,0	14,53	11,63
030285	Cá tráp biển (sea bream), tươi hoặc ướp lạnh	31.728	27,1	5,75	5,07
030461	Phi lê cá rô phi (tilapia), đông lạnh	31.498	-49,0	5,71	12,53
030449	Phi lê cá khác, tươi hoặc ướp lạnh, thuộc nhóm 0304 nhưng không thuộc các loại được phân loại riêng	26.578	51,6	4,82	3,56
030284	Cá vược (sea bass), tươi hoặc ướp lạnh	26.475	33,9	4,80	4,02
030487	Phi lê cá ngừ, cá ngừ vằn và cá bonito, đông lạnh	12.288	19,2	2,23	2,09
030289	Cá khác, tươi hoặc ướp lạnh, loại khác	11.450	48,1	2,08	1,57
030617	Tôm và tôm biển khác, đông lạnh	9.438	63,5	1,71	1,17
030463	Phi lê cá rô phi, đông lạnh	8.210	74,0	1,49	0,96
030489	Phi lê cá khác, đông lạnh, loại khác	7.651	-4,8	1,39	1,63
030541	Cá hồi Thái Bình Dương, cá hồi Đại Tây Dương và cá hồi Danube, hun khói, kể cả phi lê	6.844	7,0	1,24	1,30
030214	Cá hồi Đại Tây Dương và cá hồi Danube, tươi hoặc ướp lạnh	6.602	14,5	1,20	1,17
160529	Động vật giáp xác khác, đã chế biến hoặc bảo quản, đã đóng gói kín khí	6.577	19,2	1,19	1,12
030235	Cá ngừ vây vàng (Yellowfin tuna), tươi hoặc ướp lạnh	5.164	56,0	0,94	0,67
030354	Cá thu (chub mackerel), đông lạnh	5.084	125,0	0,92	0,46
160432	Trứng cá muối và sản phẩm thay thế trứng cá muối, đã chế biến từ trứng cá	4.765	2,2	0,86	0,95
160420	Cá đã chế biến hoặc bảo quản, loại khác	4.570	39,1	0,83	0,67
160413	Cá mòi, cá mòi pilchard và cá mòi	4.101	80,3	0,74	0,46

Mã HS	Diễn giải	6 tháng đầu năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2025 (%)
	cơm (sprats), đã chế biến hoặc bảo quản				
030743	Mực và bạch tuộc, sống, tươi hoặc ướp lạnh	4.053	406,8	0,73	0,16
030474	Phi lê cá hake (Merluccius spp., Urophycis spp.), đông lạnh	3.901	52,0	0,71	0,52
160419	Cá đã chế biến hoặc bảo quản, loại khác	2.892	-9,4	0,52	0,65
030232	Cá ngừ vây vàng (Yellowfin tuna), tươi hoặc ướp lạnh	2.599	26,7	0,47	0,42
160412	Cá trích, đã chế biến hoặc bảo quản	2.497	48,8	0,45	0,34
160554	Mực nang và mực ống, đã chế biến hoặc bảo quản	2.057	202,0	0,37	0,14
030391	Trứng cá, đông lạnh	2.053	-15,7	0,37	0,49
030486	Phi lê cá tuyết Nam Cực (Dissostichus spp.), đông lạnh	2.019	20,1	0,37	0,34
160553	Trai, đã chế biến hoặc bảo quản	1.870	61,7	0,34	0,23
030543	Cá rô phi, cá trê và các loại cá khác thuộc nhóm nhất định, hun khói, kể cả phi lê	1.851	31,6	0,34	0,29
030433	Phi lê cá rô phi (tilapia), tươi hoặc ướp lạnh	1.824	-10,9	0,33	0,42
030462	Phi lê cá rô phi, đông lạnh	1.681	17,3	0,30	0,29
030389	Cá đông lạnh khác, loại khác	1.572	56,4	0,28	0,20
160431	Trứng cá muối (caviar), đã chế biến hoặc bảo quản	1.542	60,9	0,28	0,19
160416	Cá cơm (anchovies), đã chế biến hoặc bảo quản	1.396	34,1	0,25	0,21
030325	Cá chép, đông lạnh	1.359	79,2	0,25	0,15
030351	Cá trích, đông lạnh	1.356	92,8	0,25	0,14
030313	Cá hồi Thái Bình Dương (Oncorhynchus nerka – sockeye), đông lạnh	1.250	173,6	0,23	0,09
030111	Cá cảnh nước ngọt	1.094	2,0	0,20	0,22
HS khác		15.207	-1,4	2,76	3,13

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục thống kê Trung ương I-xra-en

2.3. Nhập khẩu một số mã HS thủy sản của I-xra-en từ một số thị trường lớn

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Cục thống kê Trung ương I-xra-en, 6 tháng đầu năm 2026, đối với mã HS 030441 (Cá phi lê cá hồi Thái Bình Dương, cá hồi Đại Tây Dương và cá hồi Danube, tươi hoặc ướp lạnh), Na Uy là thị trường cung cấp lớn nhất cho I-xra-en, Na Uy chiếm 42,64% trong tổng nhập khẩu của I-xra-en, với kim ngạch đạt 47,39 triệu USD, tăng 29,4%; tiếp đến Hà Lan với kim ngạch đạt 32,09 triệu USD, giảm 5,4%, Hà Lan chiếm 28,88%; Chilê đạt 16,95 triệu USD, tăng 109,2% so với cùng kỳ năm 2025.

Đối với mã HS 030481 (Cá phi lê cá hồi Thái Bình Dương, cá hồi Đại Tây Dương và cá hồi Danube, đông lạnh), Chilê là thị trường cung cấp lớn nhất chiếm 50,83% trong tổng nhập khẩu của I-xra-en với kim ngạch đạt 49,47 triệu USD, giảm 4,6%; sau đó là Na Uy kim ngạch đạt 35,82 triệu USD, giảm 15,7% so với cùng kỳ năm 2025, Na Uy chiếm 36,8% trong tổng nhập khẩu của I-xra-en.

Đối với mã HS 160414 (Cá ngừ, cá ngừ vằn (skipjack) và cá bonito, đã chế biến hoặc bảo quản), Thái Lan là thị trường cung cấp lớn nhất, chiếm 56,65% trong tổng nhập khẩu của I-xra-en với kim ngạch đạt 45,4 triệu USD, tăng 45,4%; Trung Quốc là thị trường cung cấp lớn thứ 2 với kim ngạch đạt 15,51 triệu USD, tăng 118,4%; Việt Nam là thị trường cung cấp lớn thứ 3, thị phần chiếm 14,9% trong tổng nhập khẩu của I-xra-en với kim ngạch đạt 11,94 triệu USD, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2025.

Đối với mã HS 030285 (Cá tráp biển (sea bream), tươi hoặc ướp lạnh), Sip là thị trường cung cấp lớn nhất, chiếm 70,61% trong tổng nhập khẩu của I-xra-en với kim ngạch đạt 22,4 triệu USD, tăng 60,7%; Hy Lạp là thị trường cung cấp lớn thứ 2 với kim ngạch đạt 9,1 triệu USD, giảm 17,2% so với cùng kỳ năm 2025.

Đối với mã HS 030461 (Phi lê cá rô phi (tilapia), đông lạnh), Trung Quốc là thị trường cung cấp lớn nhất, thị phần chiếm 98,97% trong tổng nhập khẩu

của I-xra-en, với kim ngạch đạt 31,17 triệu USD, giảm 49,3% so với cùng kỳ năm 2025.

Bảng 5: Tham khảo một số (mã HS 6 số) nhập khẩu thủy sản từ các thị trường của I-xra-en theo trong 6 tháng đầu năm 2026

Mã HS	Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2025 (%)
030441	Tổng	111.150	37,9	100,00	100,00
	Na Uy	47.399	29,4	42,64	45,45
	Hà Lan	32.095	-5,4	28,88	42,11
	Chilê	16.951	109,2	15,25	10,06
	Thị trường khác	14.705	665,4	13,23	2,38
30481	Tổng	97.346	-17,5	100,00	100,00
	Chilê	49.479	-4,6	50,83	43,96
	Na Uy	35.821	-15,7	36,80	36,02
	Đan Mạch	8.098	-6,6	8,32	7,35
	Ba Lan	2.258	-80,7	2,32	9,93
	Thị trường khác	1.690	-47,7	1,74	2,74
60414	Tổng	80.152	40,0	100,00	100,00
	Thái Lan	45.403	45,4	56,65	54,53
	Trung Quốc	15.511	118,4	19,35	12,41
	Việt Nam	11.946	4,3	14,90	20,00
	Italia	5.036	-2,0	6,28	8,97
	Tây Ban Nha	1.032	-19,1	1,29	2,23
	Êcuado	664	18,3	0,83	0,98
	Thị trường khác	560	10,2	0,70	0,89
30285	Tổng	31.728	27,1	100,00	100,00
	Síp	22.402	60,7	70,61	55,85
	Hy Lạp	9.100	-17,2	28,68	44,01
	Ai Cập	89	0,0	0,28	0,00
	Xê-nê-gan	54	244,9	0,17	0,06
	Thị trường khác	83	375,4	0,26	0,07

Mã HS	Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2025 (%)
030461	Tổng	31.498	-49,0	100,00	100,00
	Trung Quốc	31.176	-49,3	98,97	99,59
	Hồng Kông	269	0,0	0,85	0,00
	Việt Nam	54	0,0	0,17	0,00
	Chilê		-100,0	0,00	0,32
	Ấn Độ		-100,0	0,00	0,09
030449	Tổng	26.578	51,6	100,00	100,00
	Hy Lạp	15.267	60,9	57,44	54,14
	Xri Lanca	4.413	15,5	16,60	21,80
	Sip	3.693	63,2	13,89	12,91
	Hà Lan	1.721	68,8	6,48	5,82
	Đan Mạch	401	260,0	1,51	0,64
	Xâysen	262	-26,2	0,98	2,02
	Thị trường khác	821	74,8	3,09	2,68
030284	Tổng	26.475	33,9	100,00	100,00
	Hy Lạp	15.434	16,1	58,30	67,25
	Sip	10.677	73,8	40,33	31,08
	Hà Lan	181	531,8	0,68	0,14
	Thị trường khác	183	-39,6	0,69	1,53
030487	Tổng	12.288	19,2	100,00	100,00
	Việt Nam	12.009	20,6	97,73	96,56
	Trung Quốc	279	-21,4	2,27	3,44
030289	Tổng	11.450	48,1	100,00	100,00
	Hà Lan	3.650	36,6	31,88	34,57
	Ai Cập	3.455	0,0	30,17	0,00
	Đan Mạch	1.838	65,7	16,05	14,35
	Hy Lạp	821	129,2	7,17	4,63
	Xê-nê-gan	747	-50,8	6,53	19,67
	UAE	374	-72,9	3,27	17,83
	Thị trường khác	565	-18,4	4,93	8,95

Mã HS	Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2026 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2025 (%)
030617	Tổng	9.438	63,5	100,00	100,00
	Việt Nam	4.959	26,4	52,55	67,99
	Ấn Độ	3.465	111,2	36,72	28,42
	Thị trường khác	1.013	389,2	10,73	3,59
030463	Tổng	8.210	74,0	100,00	100,00
	Tandania	5.531	114,7	67,37	54,59
	Uganda	2.678	25,0	32,63	45,41
030489	Tổng	7.651	-4,8	100,00	100,00
	Trung Quốc	5.341	-21,8	69,81	85,05
	Hà Lan	1.021	441,3	13,34	2,35
	Việt Nam	736	77,1	9,62	5,18
	Na Uy	151	-36,7	1,97	2,97
	Thị trường khác	401	11,9	5,24	4,46

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục thống kê Trung ương I-xra-en

2.3. Đánh giá một số mặt hàng thủy sản cạnh tranh của Việt Nam tại thị trường I-xra-en

- Phân khúc cá ngừ như cá ngừ đóng hộp và thắt lưng cá ngừ đông lạnh: Cá ngừ là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang I-xra-en. Ở phân khúc này, Việt Nam chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ hai đối thủ lớn:

+ Thái Lan: Đối thủ lớn nhất lịch sử, Thái Lan mạnh về cá ngừ đóng hộp quy mô công nghiệp lớn với chi phí rẻ. Tuy nhiên, Việt Nam đã có giai đoạn bứt phá vượt qua Thái Lan để chiếm vị trí nhà cung cấp cá ngừ lớn nhất cho I-xra-en.

+ Trung Quốc: Cạnh tranh gay gắt bằng các sản phẩm cá ngừ đông lạnh sơ chế sâu và các dòng cá đóng hộp phân khúc giá rẻ.

+ Lợi thế của Việt Nam: Hiệp định VIFTA mang lại lợi thế tuyệt đối cho Việt Nam. Trong khi Thái Lan và Trung Quốc chưa có FTA với I-xra-en (phải chịu mức thuế MFN từ 10% - 12%), thủy sản Việt Nam được xóa bỏ thuế quan ngay lập tức hoặc theo lộ trình ngắn, tạo ra sự chênh lệch lớn về giá.

- Phân khúc tôm đông lạnh như tôm thẻ chân trắng, tôm sú

+ Ấn Độ và Ecuador: Đây là hai nhà cung ứng hàng đầu về tôm trên toàn cầu, có lợi thế về quy mô nuôi trồng cực lớn và giá thành tôm nguyên liệu siêu rẻ.

+ Cạnh tranh của Việt Nam: Tôm Việt Nam khó cạnh tranh về giá thô với Ấn Độ hay Ecuador. Tuy nhiên, doanh nghiệp Việt Nam có thể mạnh về trình độ chế biến sâu (tôm tẩm bột, tôm đóng khay ăn liền, tôm duỗi PTO) phù hợp với tiêu chuẩn khắt khe tại các siêu thị lớn của I-xra-en.

- Phân khúc cá thịt trắng như cá tra, cá basa cạnh tranh với cá rô phi, cá minh thái

+ Trung Quốc: Là đối thủ chiếm tỷ trọng lớn nhất phân khúc cá thịt trắng đông lạnh tại I-xra-en (chủ yếu là cá rô phi filet đông lạnh và cá minh thái).

+ Cạnh tranh của Việt Nam: Việt Nam độc quyền về sản phẩm cá tra và cá basa filet. Dù giá cá tra có phần nhỉnh hơn một số dòng cá thịt trắng của Trung Quốc, nhưng cá tra Việt Nam được ưa chuộng nhờ thịt trắng, không tanh, và dễ chế biến theo các tiêu chuẩn ẩm thực địa phương.

- Phân khúc thủy sản cao cấp như cá hồi, cá chēm, mực tươi

+ Na Uy và Chilê: Na Uy chiếm giữ vị thế lớn (hơn 45% thị phần) ở phân khúc cá hồi tươi sống và filet ướp lạnh sang I-xra-en nhờ chuỗi logistics hàng không tốt.

+ Việt Nam: Gần như không cạnh tranh ở phân khúc cá tươi, ướp lạnh do khoảng cách địa lý xa. Việt Nam chỉ tập trung vào phân khúc mực và bạch tuộc đông lạnh.

III. Đánh giá triển vọng và dự báo xuất khẩu thủy sản sang thị trường I-xra-en trong thời gian tới

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - I-xra-en (VIFTA) được xem là cơ hội mang tính bước ngoặt, giúp xóa bỏ, giảm dần thuế quan về 0%. Điều này giúp tạo lợi thế cạnh tranh vượt trội cho doanh nghiệp thủy sản Việt Nam so với các đối thủ chưa có FTA với I-xra-en.

I-xra-en hiện là một trong những đối tác hợp tác thương mại, đầu tư và lao động quan trọng hàng đầu của Việt Nam tại khu vực Tây Á. Với cơ cấu hàng hóa có tính bổ trợ lẫn nhau, việc ký kết và triển khai thực hiện Hiệp định VIFTA sẽ tạo tiền đề thuận lợi để Việt Nam thúc đẩy xuất khẩu những mặt hàng thế mạnh như thủy sản sang I-xra-en.

Trong cơ cấu xuất khẩu thị trường I-xra-en mặc dù chiếm tỷ trọng chưa nhiều nhưng đây là một thị trường rất tiềm năng bởi I-xra-en là thị trường có sức mua, khả năng thanh toán cao. Bên cạnh đó, I-xra-en là nước không có nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực lao động trong nước hạn chế, dù là nước nhỏ nhưng nhu cầu tiêu dùng khá lớn. Bởi vậy, thị trường này còn nhiều dư địa để các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam có thể khai thác hiệu quả.

Thêm vào đó, các mặt hàng thủy sản của Việt Nam tại I-xra-en hiện đã có chỗ đứng ổn định và được người tiêu dùng quốc gia này ưa chuộng, đánh giá cao. Chính vì thế theo lộ trình giảm thuế mà hiệp định này đưa ra sẽ tạo thuận lợi lớn cho doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản. Đáng chú ý, không chỉ tại thị trường I-xra-en, dự kiến FTA Việt Nam - I-xra-en được ký kết còn mở ra cơ hội hợp tác với khu vực Trung Đông đầy tiềm năng thông qua cửa ngõ các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE).

Dân số của I-xra-en chỉ khoảng 9,6 triệu người (tính đến ngày 24/8/2026), nhưng I-xra-en là một trong những thị trường xuất khẩu thủy sản lớn của Việt Nam tại khu vực Trung Đông. Triển vọng xuất khẩu thủy sản sang I-xra-en thời gian tới rất tích cực nhờ Hiệp định VIFTA giúp xóa bỏ thuế quan, cơ cấu kinh tế mang tính hỗ trợ cao và nhu cầu tiêu thụ thủy hải sản ổn định tại thị trường có thu nhập cao này. Các mặt hàng chủ lực như tôm, cá tra và hải sản biển.

Dù chưa phải là thị trường thực sự lớn đối với xuất khẩu thủy sản của Việt Nam nhưng việc Hiệp định Thương mại tự do (FTA) Việt Nam - I-xra-en được ký kết sẽ mở thêm hướng đi cho xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường I-xra-en trước bối cảnh nhiều thị trường truyền thống đang chậm lại.

Một số khuyến nghị cho doanh nghiệp để đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản sang I-xra-en

Một là, tận dụng tốt Hiệp định Thương mại Tự do (VIFTA)

- Khai thác triệt để các ưu đãi về thuế quan mà Hiệp định VIFTA mang lại cho các mặt hàng chủ lực như tôm, cá ngừ và mực đông lạnh.

- Cập nhật liên tục các quy tắc xuất xứ và thủ tục hải quan ưu đãi để giảm giá thành sản phẩm khi vào thị trường I-xra-en.

Hai là, đáp ứng tiêu chuẩn Kosher và An toàn thực phẩm

- Đạt được chứng nhận Kosher (tiêu chuẩn ăn uống tôn giáo rất khắt khe của người Do Thái) để mở rộng rộng rãi kênh phân phối trong hệ thống siêu thị và nhà hàng nước này.

- Kiểm soát chặt chẽ dư lượng kháng sinh, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm từ khâu nuôi trồng đến chế biến.

Ba là, nâng cao năng lực logistics và chuỗi cung ứng

- Tìm kiếm các giải pháp vận chuyển tối ưu, ký kết hợp đồng dài hạn với các hãng tàu để giảm thiểu rủi ro biến động giá cước container lạnh.

- Đảm bảo thời gian vận chuyển nhanh chóng, giữ nguyên chất lượng tươi ngon của sản phẩm thủy hải sản đông lạnh.

Bốn là, xúc tiến thương mại và nghiên cứu thị trường

- Tham gia các hội chợ triển lãm thực phẩm quốc tế tại I-xra-en và khu vực Trung Đông.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thương vụ Việt Nam tại I-xra-en để kết nối với các nhà nhập khẩu, nhà phân phối bản địa uy tín...

Phụ trách theo dõi nhiệm vụ

Người thực hiện

Nguyễn Thị Tú Oanh

Hoàng Minh Thu